



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(09 THÁNG NĂM 2026)**

(Kèm theo Công văn số 489/BVĐK-TCKT ngày 05 / 10 /2026 của BVĐK Tân Yên)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện 09 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 09 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu dịch vụ				
I	Số thu phí, lệ phí, thu dịch vụ	87.350	71.346	81,68%	111,75%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu dịch vụ	87.350	71.346	81,68%	111,75%
3.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá	80.050	63.827	79,73%	109,71%
-	Thu từ cơ quan Bảo hiểm	70.900	57.248	80,74%	113,95%
-	Thu từ người bệnh	9.150	6.579	71,90%	82,89%
3.1	Từ các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	7.300	7.519	103,00%	132,65%
-	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	600	834	139,00%	173,53%
-	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu; tiêm vắc xin, liên doanh, liên kết, đào tạo	6.700	6.544	97,67%	127,91%
-	Khác (Thực hành KCB, lãi tiền gửi)	-	141	100,00%	197,04%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	87.156	71.094	81,57%	111,66%
1	Chi sự nghiệp	87.156	71.094	81,57%	111,66%
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	87.156	71.094	81,57%	111,66%
*	Thu dịch vụ	87.156	71.094	81,57%	111,66%
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện 09 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 09 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Số phí, lệ phí, thu dịch vụ nộp ngân sách nhà nước	194	252	129,90%	142,37%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu dịch vụ	194	252	129,90%	142,37%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	870	-	0,00%	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	870	-	0,00%	-
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	870	-	0,00%	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	870	-	0,00%	-
	- Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.	870	-	0,00%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				